

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện Kết luận số 226-KL/TW, Quyết định số 534/QĐ-TTg
6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026**

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 534/QĐ-TTg) ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 226-KL/TW ngày ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị (Kết luận số 226-KL/TW), Bộ Nội vụ đã hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện và báo cáo Chính phủ theo quy định. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Nội vụ báo cáo tình hình thực hiện Kết luận số 226-KL/TW, Quyết định số 534/QĐ-TTg 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

Triển khai thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 226-KL/TW, Bộ Nội vụ đã ban hành Công văn số 5318/BNV-CCHC ngày 29/5/2026 hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương báo cáo tình hình thực hiện Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã nghiêm túc, kịp thời phổ biến, quán triệt triển khai Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Ban Thường vụ Đảng ủy các bộ, ngành và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố đã ban hành 437 văn bản chấn chỉnh, đôn đốc chấp hành quy định về lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị¹ đến cấp ủy Đảng các cấp để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận số 226-KL/TW của Ban Bí thư và Quyết định số 534/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực

¹ Gồm 8 Bộ: Công an, Ngân hàng NN, Dân tộc và Tôn Giáo, Văn hoá TT&DL, Công Thương, Y tế, Nội vụ, Thanh tra Chính phủ; và 26 địa phương: An Giang, Cà Mau, Cao Bằng, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đà Nẵng, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hưng Yên, Khánh Hoà, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hoá, TP. Hồ Chí Minh, Tuyên Quang

tiền của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Tính đến tháng 6 năm 2026, đã có **08** bộ², ngành và **26** địa phương³ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện. Hầu hết các bộ, ngành, địa phương đã cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu, sản phẩm đầu ra, tiến độ thực hiện và phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp thực hiện. Nhiều cơ quan đã gắn việc thực hiện Kết luận số 226-KL/TW với chương trình công tác năm 2026, kế hoạch cải cách hành chính, chuyển đổi số và các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, địa phương, qua đó bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện. Theo số liệu thống kê, trong 6 tháng đầu năm, tổng số nhiệm vụ được đề ra là **1.957**, trong đó các bộ, ngành là **49** nhiệm vụ, các địa phương là **1.908** nhiệm vụ; số nhiệm vụ đã hoàn thành trong kỳ báo cáo là **665/1.957** đạt tỷ lệ **33,98%** (các bộ, ngành: 18/49 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 36,73%; các địa phương: 647/1.908 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 33,91%), không có nhiệm vụ nào quá hạn. Qua đó, đã cho thấy những chuyển biến tích cực trong việc chấn chỉnh, đổi mới phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương.

Điểm nổi bật là nhận thức của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước về yêu cầu chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính đã được nâng lên rõ rệt. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã ban hành kế hoạch chuyên đề, xác định rõ nhiệm vụ, sản phẩm và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; đồng thời xem xét, đưa kết quả thực hiện Kết luận số 226-KL/TW vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân⁴, đặc biệt, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với triển khai thực hiện nhiệm vụ. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã áp dụng cơ chế giao nhiệm vụ gắn với sản phẩm đầu ra, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm cá nhân; tăng cường kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

Công tác thông tin, tuyên truyền về Kết luận số 226-KL/TW, Quyết định số 534/QĐ-TTg đã được các bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện. Nhiều địa phương đã lồng ghép tổ chức các hội nghị chuyên đề, hội nghị trực tuyến toàn tỉnh để quán triệt, hướng dẫn thực hiện; đồng thời thường xuyên đưa nội dung thực hiện Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg vào các cuộc họp giao ban, kiểm điểm tiến độ công tác hằng tháng, hằng quý; bước đầu tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tính đến tháng 6 năm 2026 cả nước đã có **4.111**⁵ hội nghị, cuộc họp của các cấp ủy, cơ quan phổ biến, quán triệt nội dung Kết luận số 226-KL/TW, có **67.615** phóng sự, tin bài, chuyên đề thông tin, truyền thông về thực hiện Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg (trong đó các bộ, ngành là **1.161**, các

² Các bộ: Công an, Công Thương, Dân tộc và Tôn giáo, Nội vụ, Ngân hàng NN, Thanh tra Chính phủ, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế

³ Các địa phương: An Giang, Cà Mau, Cao Bằng, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đà Nẵng, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hưng Yên, Khánh Hòa, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa, TP. Hồ Chí Minh, Tuyên Quang

⁴ Các bộ: Dân tộc và Tôn giáo, Nội vụ, Ngân hàng NN; các địa phương: Lào Cai, Phú Thọ, Đồng Nai, Lai Châu, ...

⁵ Các bộ, ngành: 60 hội nghị; các địa phương: 4.051 hội nghị

địa phương là **66.454** tin, bài, phóng sự). Nội dung tuyên truyền tập trung vào các yêu cầu về chấn chỉnh lề lối làm việc, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản; đổi mới chế độ hội họp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính (TTHC); chuyển đổi số; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm của người đứng đầu trong thực thi công vụ. Bên cạnh việc tổ chức các hội nghị quán triệt, hội nghị giao ban, sinh hoạt chuyên đề, nhiều cơ quan đã tăng cường tuyên truyền thông qua cổng thông tin điện tử, hệ thống quản lý văn bản điều hành, các nền tảng số, bản tin nội bộ, chuyên mục cải cách hành chính, chuyên trang chuyển đổi số và các phương tiện thông tin đại chúng.

Các bộ, ngành, địa phương đã quan tâm chỉ đạo, triển khai nhiều cách làm mới, giải pháp phù hợp có hiệu quả nhằm giảm số lượng văn bản hành chính được ban hành. Cụ thể, một số bộ, ngành, địa phương không tham mưu ban hành văn bản giao việc đối với các văn bản của Trung ương được gửi đến trực tiếp, hoặc thuộc chức năng, nhiệm vụ tham mưu, triển khai của các cơ quan chuyên môn mà chuyển thẳng văn bản đề đơn vị tham mưu theo chức năng, nhiệm vụ được giao; không yêu cầu trả lời bằng văn bản đối với các văn bản xin ý kiến nêu cơ quan, đơn vị thống nhất với nội dung xin ý kiến;... qua đó góp phần thiết thực vào việc giảm văn bản hành chính của các cơ quan Trung ương và địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản

a) *Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật*

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tiếp tục được các bộ, ngành và địa phương quan tâm chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm nhằm hoàn thiện thể chế, pháp luật trên các lĩnh vực quản lý, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điểm đáng chú ý là nhiều địa phương không chỉ tập trung ban hành đủ số lượng văn bản theo chương trình, kế hoạch mà còn chú trọng hơn đến chất lượng chính sách, tính khả thi và khả năng tổ chức thực hiện sau khi văn bản được ban hành. Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 13/6/2026, Quốc hội đã thông qua **09** Luật, Chính phủ đã ban hành **204** Nghị định; các Bộ ban hành theo thẩm quyền **375** Thông tư; HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành hơn **1100** VBQPPL.

Theo báo cáo của các bộ, ngành tổng số văn bản quy phạm pháp luật phải hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong năm 2026 là **270** văn bản; tính đến tháng 6 năm 2026 số văn bản đã hoàn thành đúng hạn là **152** văn bản, chiếm tỷ lệ **56,30%**; số văn bản đã hoàn thành quá hạn là **12** văn bản; số văn bản chưa hoàn thành và đã quá hạn là **12** văn bản. Tỷ lệ văn bản ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đạt **100%**; tỷ lệ văn bản được tiếp thu, giải trình, báo cáo đánh giá tác động, thẩm định, thẩm tra theo quy định đạt **100%**.

Đối với các địa phương, tổng số VBQPPL phải hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong năm 2026 là **2.141** văn bản; tính đến tháng 6 năm 2026 số văn bản đã hoàn thành đúng hạn là **1.844** văn bản, chiếm tỷ lệ **86,13%** tổng số văn bản phải hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới; số văn bản hoàn thành quá hạn là

37 văn bản; số văn bản chưa hoàn thành và đã quá hạn là **260** văn bản. Tỷ lệ văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định đạt **97,43%**; tỷ lệ văn bản được tiếp thu, giải trình, báo cáo đánh giá tác động, thẩm định, thẩm tra theo quy định đạt **97,43%**; nhiều địa phương hoàn thành đúng hạn ban hành **100%** VBQPPL⁶.

Về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật được Chính phủ quan tâm chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm, lồng ghép yêu cầu kiểm soát quyền lực ngay trong quá trình tham mưu chính sách, thẩm định và ban hành văn bản; một số bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt như: Bộ Công an, Bộ Nội vụ, thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,... qua đó góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, hạn chế nguy cơ lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm trong tham mưu, xây dựng văn bản và nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan chủ trì soạn thảo.

b) Tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật

Công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật được triển khai đồng bộ nhằm kịp thời đưa văn bản vào cuộc sống, phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng VBQPPL. Trong 6 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành đã tổ chức **07** cuộc kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật; qua theo dõi phát hiện **146** vấn đề, vướng mắc, trong đó **31** vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, tương ứng với **21,23%**. Các địa phương đã tổ chức **40** cuộc kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật; qua theo dõi thi hành pháp luật đã phát hiện **33** vấn đề, vướng mắc, trong đó **28** vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, tương ứng với **84,85%**.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục được lồng ghép trong quá trình triển khai văn bản mới ban hành, tổ chức tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn chuyên môn và truyền thông chính sách tại các cơ quan, đơn vị. Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản mới đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong tổ chức thi hành pháp luật, đồng thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận kịp thời các chính sách, quy định mới của Nhà nước.

c) Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản được các bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; kịp thời phát hiện văn bản không còn phù hợp để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ. Trong bối cảnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đây là nhiệm vụ có ý nghĩa trực tiếp bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước thông suốt, không tạo khoảng trống pháp lý. Việc phân định lại thẩm quyền giữa các cấp chính quyền làm phát sinh yêu cầu rà soát đồng thời cả căn cứ pháp lý, chủ thể thực hiện, quy trình phối hợp và trách nhiệm xử lý chuyên tiếp.

Trong 6 tháng đầu năm 2026 các bộ, ngành đã kiểm tra **261** văn bản, tỷ lệ xử

⁶ Như: An Giang, Nghệ An, TP Hải Phòng, TP Đà Nẵng, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Sơn La, Bắc Ninh, Ninh Bình, Lạng Sơn, Khánh Hòa, Hà Tĩnh, Đồng Tháp, Đắk Lắk và Cao Bằng

lý sau kiểm tra còn khiêm tốn, chỉ đạt khoảng **6,75%**; rà soát **979** văn bản, tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát đạt khoảng **13,49%**. Các địa phương đã kiểm tra theo thẩm quyền **975** văn bản, tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra đạt khoảng **60,34%**; rà soát **9.265** văn bản thuộc thẩm quyền, tỷ lệ xử lý sau rà soát đạt khoảng **77,29%**.

Có thể nhận thấy yêu cầu rà soát, kiểm tra, xử lý VBQPPL phục vụ quản lý nhà nước trong bối cảnh phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, giảm tầng nấc trung gian là yêu cầu cấp thiết. Các bộ, ngành, địa phương đã quan tâm thực hiện nhiệm vụ tự kiểm tra, rà soát nhằm kịp thời phát hiện những quy định không còn phù hợp, chồng chéo, mâu thuẫn để kiến nghị xử lý. Một số địa phương đã triển khai rà soát, xử lý khối lượng lớn văn bản để đồng bộ hệ thống pháp luật sau sắp xếp, hợp nhất và trong quá trình ổn định mô hình tổ chức mới. Có thể kể đến một số địa phương điển hình: Phú Thọ xử lý khối lượng lớn văn bản của 03 tỉnh cũ trước khi hợp nhất; Đắk Lắk bãi bỏ 357 văn bản và rà soát để áp dụng thống nhất 326 văn bản của hai tỉnh cũ; Thái Nguyên đã rà soát, xử lý 529 văn bản cần xử lý sau sáp nhập... Những kết quả này cho thấy sự chủ động của địa phương trong việc rà soát hệ thống văn bản, khắc phục tình trạng tồn đọng văn bản cũ, văn bản không còn phù hợp, tạo nền tảng pháp lý ổn định cho quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

d) Cắt giảm số lượng văn bản hành chính

Việc cắt giảm số lượng văn bản hành chính được triển khai gắn với đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, tăng cường xử lý công việc trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số và lồng ghép các nội dung chỉ đạo có liên quan trong cùng một văn bản để hạn chế phát sinh văn bản trung gian, văn bản đôn đốc không cần thiết. Đây là kỳ báo cáo đầu tiên thực hiện giảm tỷ lệ ban hành văn bản hành chính theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Kết luận số 226-KL/TW nhưng đã được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện. Kết quả, 6 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ ban hành văn bản hành chính giảm **15,21%** so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: các bộ, ngành đã giảm **19,8%** văn bản hành chính (cao hơn so với yêu cầu giảm 15%); các địa phương giảm **10,61%** văn bản hành chính. Một số địa phương có tỷ lệ giảm văn bản hành chính cao như: Quảng Ngãi giảm 32,0%, Ninh Bình giảm 20,0%, Hưng Yên giảm 17,0%, Lào Cai giảm 15,8%, Thái Nguyên giảm 15,1% và Cà Mau giảm 15,0%. Bên cạnh kết quả đạt được, theo báo cáo của một số địa phương việc cắt giảm tỷ lệ ban hành văn bản hành chính gặp khó khăn do phát sinh văn bản chỉ đạo, điều hành phục vụ sắp xếp tổ chức bộ máy, hướng dẫn vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và xử lý các nhiệm vụ chuyên tiếp.

2. Về đổi mới chế độ hội họp

a) Kết quả chỉ đạo, tổ chức thực hiện đổi mới chế độ hội họp; hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ hội họp

Triển khai thực hiện Kết luận số 226-KL/TW, Quyết định số 534/QĐ-TTg về đổi mới chế độ hội họp, các bộ, ngành, địa phương đã chỉ đạo, quán triệt các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc quan điểm “giảm họp nhưng tăng chất lượng”, chuyên mạnh từ họp để “nghe báo cáo” sang họp để “thảo luận, quyết định và xử lý vấn đề”; không tổ chức hội nghị, cuộc họp nếu nội dung đã có văn bản chỉ đạo rõ

hoặc không thật sự cần thiết, đổi mới chế độ hội họp theo hướng thiết thực, hiệu quả, giảm hình thức; ban hành và rà soát, hoàn thiện các quy định về tổ chức hội họp thuộc thẩm quyền của từng cơ quan, địa phương. Các bộ, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo ngay từ đầu năm, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ số lượng, nội dung và thành phần tham dự, đặt mục tiêu giảm tối thiểu 10% số lượng hội nghị, cuộc họp hằng năm và lồng ghép nhiều nội dung vào cùng một cuộc họp, hội nghị. Đồng thời phân đầu tỷ lệ tổ chức họp trực tuyến (hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến) đạt từ 60% trở lên, họp trực tiếp không quá 40%.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành, địa phương đã sửa đổi **23** Quy chế quy định về chế độ hội họp, trong đó bộ, ngành: 02; các địa phương: 21. Tổng số hội nghị, cuộc họp được tổ chức là **41.580**, trong đó các bộ, ngành: 1.028 cuộc, các địa phương: 40.552 cuộc. Cụ thể: Hội nghị, họp trực tuyến là **11.127** cuộc, chiếm tỷ lệ **26,76%**; hội nghị, họp trực tiếp là **23.454** cuộc, chiếm tỷ lệ **56,41%**; trực tiếp kết hợp trực tuyến là **6.999** cuộc, chiếm tỷ lệ **16,83%**. Việc đổi mới chế độ hội họp của các bộ, ngành địa phương bước đầu đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành, rút ngắn thời gian xử lý công việc, tăng cường tính kịp thời trong trao đổi thông tin giữa các cấp, các ngành. Việc mở rộng hình thức họp trực tuyến giúp giảm đáng kể chi phí tổ chức, công tác phí, thời gian di chuyển của đại biểu, đồng thời bảo đảm sự tham gia đầy đủ của các đơn vị ở địa bàn xa trung tâm. Tuy nhiên, tỷ lệ các cuộc họp trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến trung bình cả nước mới đạt **43,59%**, chưa đạt được mục tiêu là 60% hội nghị, họp trực tuyến.

b) Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, bảo đảm phòng họp trực tuyến

Hệ thống phòng họp trực tuyến từ cấp bộ đến cấp tỉnh, cấp xã được duy trì vận hành ổn định; từng bước được đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành trong tình hình mới. Tổng kinh phí đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị phục vụ phòng họp trực tuyến triển khai đến cấp xã trong kỳ báo cáo đạt **1.259.388** triệu đồng, trong đó các bộ, ngành là **322.040** triệu đồng, chiếm tỷ lệ **25,57%**; các địa phương là **937.348** triệu đồng, chiếm tỷ lệ **74,34%**.

Hạ tầng kỹ thuật được các bộ, ngành, địa phương quan tâm đầu tư, đáp ứng yêu cầu kết nối thông suốt, bảo đảm tiếp nhận, kết nối các hội nghị trực tuyến toàn quốc, các hội nghị lớn của Chính phủ với các bộ, ngành, địa phương. Một số địa phương đã quan tâm đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phòng họp trực tuyến như: Thanh Hóa có 296 điểm cầu; Phú Thọ có 257 điểm cầu; Quảng Ninh 239 điểm cầu; Tuyên Quang 212 điểm cầu.

c) Về tổ chức các cuộc họp, hội nghị

Các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện việc đổi mới và cải tiến phương thức tổ chức hội nghị, họp theo hướng ngắn gọn, rõ nội dung; kết hợp linh hoạt giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến; tập trung thảo luận, không trình bày lại nguyên văn tài liệu đã gửi. Theo đó, các hội nghị quán triệt, phổ biến nghị quyết, chỉ thị, chủ trương lớn có thực hiện thời gian họp không quá 1/2 ngày; các hội nghị chuyên môn, nghiệp vụ có thời gian họp không quá 01 ngày; các hội nghị quan trọng của tỉnh, địa phương cần thảo luận có thời gian họp không quá 1,5 ngày. Phát biểu tại hội nghị được quán

triệt tổ chức gọn, súc tích, đúng trọng tâm vấn đề cần trình bày. Tỷ lệ cuộc họp không giấy tờ (so với tổng số cuộc họp diễn ra trong kỳ báo cáo) các bộ, ngành đạt tỷ lệ **20,0%**, các địa phương đạt tỷ lệ **58,71%**.

3. Về đổi mới phương thức làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc và cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Tình hình, kết quả rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị; quy chế làm việc, mối quan hệ công tác, bảo đảm nguyên tắc “một việc chỉ giao một cơ quan/cá nhân chủ trì, chịu trách nhiệm chính”

Trong 6 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành, địa phương đã tập trung rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc và quy trình phối hợp công tác nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ, bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan hoặc một cá nhân chủ trì, chịu trách nhiệm chính.

Tại các bộ, ngành việc rà soát chức năng, nhiệm vụ được thực hiện gắn với quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối bên trong, hoàn thiện quy chế làm việc và quy định trách nhiệm của người đứng đầu⁷. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 191/2026/NĐ-CP ngày 29/5/2026 ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ. Tính đến ngày 14/6/2026, Bộ Nội vụ đã có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 11 bộ, cơ quan ngang bộ⁸ và có văn bản thống nhất với đề xuất của 03 bộ, cơ quan ngang bộ⁹ đề nghị tiếp tục thực hiện theo Nghị định hiện hành; hiện đang phối hợp, đôn đốc các bộ còn lại là Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định để gửi thẩm định theo quy định.

Tại địa phương, việc rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện đồng bộ gắn với việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Nhiều địa phương¹⁰ đã ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của UBND các cấp, quy chế phối hợp liên ngành, quy trình xử lý công việc nội bộ theo hướng xác định rõ trách nhiệm, thời hạn và sản phẩm đầu ra của từng cơ quan, đơn vị. Triển khai thực hiện nguyên tắc “06 rõ” gồm: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian và rõ kết quả; đồng thời gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân và người đứng đầu. Một số địa phương tiêu biểu, như: Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ

⁷ Bộ Công an tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc theo hướng giảm tầng nấc trung gian, tăng cường trách nhiệm cá nhân trong thực thi nhiệm vụ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tập trung rà soát, chuẩn hóa quy trình phối hợp giữa các đơn vị thuộc hệ thống ngân hàng; đẩy mạnh xử lý công việc trên môi trường điện tử; Thanh tra Chính phủ rà soát quy chế làm việc, quy trình giải quyết công việc, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ,...

⁸ Gồm các bộ: Ngoại giao; Nội vụ; Công Thương; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Dân tộc và Tôn giáo; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (Văn phòng Chính phủ đã có ND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức)

⁹ Gồm các bộ: Quốc phòng, Công an, Thanh tra Chính phủ

¹⁰ Các địa phương: Quảng Ninh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Lào Cai, Quảng Ngãi, Cần Thơ, ...

tục hành chính và nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ; Quảng Ninh xây dựng Hệ thống chỉ tiêu định lượng đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính các cấp; Sơn La triển khai trên 1.500 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành... Thông qua rà soát, hoàn thiện quy chế làm việc và mối quan hệ công tác, trách nhiệm của cơ quan chủ trì và trách nhiệm phối hợp được xác định rõ hơn; từng bước khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, chuyển việc vòng quanh giữa các cơ quan; nâng cao chất lượng phối hợp liên ngành và hiệu quả xử lý công việc.

b) Kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, việc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện, nhất là trong bối cảnh vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng kiến tạo, phục vụ. Các bộ, ngành đã chủ động rà soát các quy định thuộc phạm vi quản lý để tham mưu phân cấp, phân quyền cho địa phương, đơn vị trực thuộc; đồng thời rà soát những nhiệm vụ còn chồng chéo, chưa rõ trách nhiệm giữa các cơ quan. Các bộ, ngành đã quan tâm, nghiên cứu đề ban hành hướng dẫn phân định thẩm quyền đối với các lĩnh vực quản lý chuyên ngành; tăng cường phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; trong 6 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành đã ban hành **12** văn bản, các địa phương đã ban hành **933** văn bản, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền.

Qua báo cáo của các địa phương cho thấy, việc phân cấp, phân quyền đã góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm số lượng hồ sơ phải trình nhiều cấp, tăng tính chủ động của cơ sở và giảm áp lực công việc cho cơ quan cấp trên. Nhìn chung, công tác phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đã có chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, rút ngắn thời gian giải quyết công việc và tăng tính chủ động của cơ sở; đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực thực thi, bảo đảm nguồn lực và tăng cường kiểm tra, giám sát trong thời gian tới.

c) Việc rà soát, chuẩn hóa, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và các văn bản hướng dẫn của bộ, ngành. Việc rà soát, chuẩn hóa chế độ báo cáo được thực hiện theo hướng giảm số lượng báo cáo, giảm trùng lặp nội dung, chuẩn hóa biểu mẫu và đẩy mạnh thực hiện báo cáo điện tử; tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin báo cáo; tăng cường sử dụng dữ liệu số trong công tác chỉ đạo, điều hành. Hầu hết các địa phương đã kết nối Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; thực hiện gửi, nhận báo cáo định kỳ trên môi trường mạng; khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm giảm việc tổng hợp thủ công và hạn chế yêu cầu báo cáo trùng lặp. Việc thực hiện chế độ báo cáo điện tử đã góp phần giảm đáng kể thời gian tổng hợp, xử lý và gửi báo cáo; nâng cao chất lượng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; tăng

cường tính công khai, minh bạch và khả năng theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

d) Việc triển khai yêu cầu 100% văn bản (trừ văn bản bí mật nhà nước) thực hiện trên môi trường điện tử

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử theo yêu cầu của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Hầu hết các bộ, ngành đã sử dụng thống nhất hệ thống quản lý văn bản và điều hành; thực hiện ký số, phát hành văn bản điện tử; kết nối, gửi nhận văn bản qua Trục liên thông văn bản quốc gia. Tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước tiếp tục duy trì ở mức cao, cơ bản đạt yêu cầu đối với văn bản không thuộc phạm vi bí mật nhà nước. Các bộ, ngành, địa phương, đã đạt hoặc tiệm cận mục tiêu 100% văn bản hành chính được trao đổi trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật)¹¹. Việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng tiếp tục được mở rộng; hồ sơ công việc điện tử từng bước thay thế hồ sơ giấy; việc theo dõi, đôn đốc, giám sát tiến độ xử lý văn bản được thực hiện trực tuyến, góp phần nâng cao trách nhiệm cá nhân và hiệu quả giải quyết công việc.

đ) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số. Việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật được xác định là điều kiện nền tảng để đổi mới phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường xử lý công việc trên môi trường điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tại các bộ, ngành Trung ương, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư theo hướng tập trung, đồng bộ và hiện đại. Các trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống bảo đảm an toàn thông tin mạng được duy trì hoạt động ổn định; đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tại địa phương, các tỉnh, thành phố tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng diện rộng (WAN), mạng nội bộ (LAN), trung tâm dữ liệu, trung tâm điều hành thông minh (IOC), hạ tầng hội nghị truyền hình trực tuyến và hệ thống bảo đảm an toàn thông tin mạng. Hầu hết các địa phương đã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã; duy trì hệ thống hội nghị trực tuyến từ cấp tỉnh đến cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảm hội họp trực tiếp và tăng cường chỉ đạo, điều hành theo thời gian thực. Nhiều địa phương¹² đã hoàn thành việc nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm hệ thống quản lý văn bản, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống thông tin báo cáo và các nền tảng số hoạt động ổn định, thông suốt.

¹¹ Gồm: Quảng Ninh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thái Nguyên, Nghệ An, Tuyên Quang, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Thanh Hóa và nhiều địa phương khác tiếp tục duy trì việc xử lý văn bản điện tử ở tất cả các cấp chính quyền.

¹² Gồm: Quảng Ninh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thái Nguyên, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Lào Cai, Tuyên Quang, Khánh Hòa...

e) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng; xây dựng, phát triển dữ liệu; xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện các nền tảng số dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức, hệ thống quản lý tài chính, tài sản công và các nền tảng chuyên ngành tiếp tục được duy trì, nâng cấp và mở rộng phạm vi ứng dụng. Các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành từng bước được hoàn thiện và khai thác hiệu quả hơn. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin được tăng cường, góp phần giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin, dữ liệu của người dân và doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Một số bộ, ngành, địa phương¹³ bước đầu đã hình thành kho dữ liệu dùng chung và trung tâm điều hành thông minh nhằm hỗ trợ công tác phân tích dữ liệu, dự báo và ra quyết định; phục vụ quản lý công việc, theo dõi tiến độ nhiệm vụ, quản lý hồ sơ điện tử, quản lý lịch làm việc, điều hành tác nghiệp và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

g) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tập trung phát triển các ứng dụng, nền tảng số và dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp theo hướng thuận tiện, dễ tiếp cận, giảm chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các cấp tiếp tục được duy trì và nâng cấp; tăng cường kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Việc tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tiếp tục được mở rộng; tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi. Nhiều địa phương đã phát triển ứng dụng trên thiết bị di động, nền tảng tương tác trực tuyến và các kênh hỗ trợ người dân tra cứu thông tin, theo dõi tình trạng xử lý hồ sơ, phản ánh kiến nghị và đánh giá mức độ hài lòng. Một số địa phương đã tích hợp các tiện ích thanh toán trực tuyến, tra cứu hồ sơ, đặt lịch giải quyết thủ tục hành chính và tiếp nhận phản ánh hiện trường trên cùng một nền tảng số. Việc phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính; giảm số lần đi lại; giảm chi phí tuân thủ; nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính nhà nước.

h) Kết quả nghiên cứu, xây dựng thí điểm trợ lý ảo (Virtual Assistant) hỗ trợ hoạt động công vụ

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động của cơ quan nhà nước, một số bộ¹⁴, ngành, địa phương đã nghiên cứu, thử nghiệm hoặc bước đầu triển khai trợ lý ảo hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý văn bản, hỗ

¹³ Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Khánh Hoà, TP. Hồ Chí Minh, ...

¹⁴ Các bộ: Bộ KH&CN, Tư Pháp

trợ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp. Trong 6 tháng đầu năm, các bộ, ngành, địa phương đã ứng dụng **123** nền tảng, trợ lý ảo vào thực hiện công việc (các bộ, ngành: 6; các địa phương: 117). Một số địa phương¹⁵ đã tích hợp chatbot, trợ lý số hoặc công cụ hỗ trợ tự động trên cổng thông tin điện tử, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính và trung tâm điều hành thông minh nhằm hỗ trợ tra cứu quy định, hướng dẫn thủ tục hành chính, tiếp nhận và phân loại phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

i) Về kết quả rà soát, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Đến hết tháng 5 năm 2026, các bộ, cơ quan ngang bộ tiếp tục tập trung rà soát, tham mưu trình Chính phủ ban hành **11** Nghị quyết¹⁶ về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh (ĐKKD), ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cụ thể: Về phân quyền, phân cấp việc thực hiện TTHC, tính đến ngày 28/5/2026, số TTHC thuộc thẩm quyền của cấp bộ là **1.595** TTHC/tổng số 5.119 TTHC, đạt tỷ lệ **31,2%**;

- *Về cắt giảm TTHC, ĐKKD*: Đến ngày 28/5/2026, **10** Nghị quyết của Chính phủ và Thông tư của các bộ, ngành đã phân cấp **362** TTHC từ Trung ương về địa phương; cắt giảm **697** TTHC, đơn giản hóa **673** TTHC và cắt giảm **1.754** ĐKKD không cần thiết; tương ứng với cắt giảm 53% thời gian thực hiện TTHC; 54,6% chi phí tuân thủ so với năm 2024. Trong đó, riêng **11** Nghị quyết mới ban hành sẽ cắt giảm chi phí tuân thủ khoảng 23 nghìn tỷ đồng mỗi năm.

- *Kết quả đơn giản hóa TTHC nội bộ*: Tổng số TTHC nội bộ tại các bộ, cơ quan ngang bộ được công bố là **3.143** TTHC (bao gồm 1.176 TTHC nội bộ nhóm A và 1.967 TTHC nội bộ nhóm B). Đến nay, các bộ đã thực thi đối với **405/770** phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ (đạt 52,6%). Trong đó, số TTHC nội bộ nhóm A được thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa là **216/770** TTHC (đạt 28,1%), số TTHC nhóm B được thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa là **189/770** (đạt 24,5%). Tại các địa phương, tính đến hết tháng 5/2026 đã thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với **411** TTHC (bãi bỏ 86 TTHC, sửa đổi, bổ sung 111 TTHC, giữ nguyên 214 TTHC), cơ bản đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, góp phần nâng cao năng suất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

k) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)¹⁷

- *Về tiến độ, kết quả giải quyết TTHC*¹⁸: Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý đúng hoặc trước hạn tại bộ, ngành đạt **99,63%** và tại các địa phương là **98,07%**.

¹⁵ Như: TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hoà, TP. Đà Nẵng, ...

¹⁶ Gồm: Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026; Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026; Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026; Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026; Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026; Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026; Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026; Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026.

¹⁷ Theo Báo cáo số 373/BC-BTP ngày 29/5/2026 của Bộ Tư pháp.

¹⁸ Theo Báo cáo của các bộ, ngành, địa phương tính đến ngày 14/6/2026.

- Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành, đạt **37,9%** (254.175/670.553 hồ sơ); tại các địa phương, đạt **93,57%** (3.093.734/3.244.820 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt **48,48%** (175/361 TTHC), tại các địa phương đạt **92,84%** (972/1.047 TTHC); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt **30,24%** (210.309/695.423 hồ sơ), tại các địa phương đạt **94,45%** (2.850.177/3.017.607 hồ sơ).

- Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt **19,23%** (162.822/846.675 hồ sơ), tại các địa phương đạt **88,56%** (2.873.612/3.244.820 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt **19,29%** (163.355 kết quả giải quyết TTHC/846.675 kết quả cần cấp), tại các địa phương đạt **88,62%** (2.875.559 kết quả giải quyết TTHC/3.244.820 kết quả cần cấp); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt **5,92%** (50.152/847.162 hồ sơ), tại các địa phương đạt **96,04%** (3.141.300/3.270.824 hồ sơ).

4. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính

a) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, sử dụng hiệu quả giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC)

Trong 6 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công vụ và trách nhiệm nêu gương của CBCCVC. Nội dung chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ được đưa vào chương trình công tác, kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công vụ và nội dung sinh hoạt thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đã tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm quy chế làm việc, nội quy cơ quan, quy định về sử dụng thời giờ làm việc; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC. Việc xử lý công việc trên môi trường điện tử, sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số, phần mềm theo dõi nhiệm vụ được triển khai đồng bộ ở hầu hết các bộ, ngành, địa phương, góp phần nâng cao trách nhiệm cá nhân, tăng tính công khai, minh bạch và hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc.

Kết quả báo cáo của các bộ, ngành, địa phương cho thấy đa số CBCCVC chấp hành nghiêm thời giờ làm việc, quy trình giải quyết công việc, quy định về văn hóa công vụ và trách nhiệm phục vụ Nhân dân. Ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ được nâng lên; chất lượng tham mưu, giải quyết công việc có chuyển biến tích cực; việc chậm trễ, tồn đọng nhiệm vụ từng bước được khắc phục. Nhiều bộ, ngành, địa phương¹⁹ đã nghiên cứu, đưa tiêu chí chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính vào đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân và người đứng đầu.

¹⁹ Các bộ: Công an, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra Chính phủ, Nội vụ; các địa phương: Quảng Ninh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Cần Thơ...

Tuy nhiên, tại một số cơ quan, đơn vị vẫn còn tình trạng chất lượng tham mưu chưa đồng đều; việc phối hợp xử lý công việc có thời điểm chưa thật sự chặt chẽ; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chậm; một bộ phận cán bộ, công chức còn tâm lý e ngại, né tránh, sợ trách nhiệm trong xử lý các công việc phức tạp hoặc liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp.

Nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho CBCCVC đáp ứng yêu cầu công việc và thực hiện chủ trương “Bình dân học vụ số”, trong 6 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành, địa phương đã quan tâm, cử CBCCVC tham gia các lớp bồi dưỡng về kỹ năng số, kỹ năng lãnh đạo, quản lý trong môi trường số đạt **1.318.769** lượt CBCCVC tham gia, trong đó các bộ, ngành là **435.432** lượt CBCCVC, các địa phương là **883.337** lượt CBCCVC.

b) Tình hình, kết quả triển khai công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ

Các bộ, ngành, địa phương đã quan tâm triển khai công tác thanh tra, kiểm tra công vụ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất đối với việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ và trách nhiệm thực thi công vụ của CBCCVC. Theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, trong 6 tháng đầu năm 2026 đã tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành **1.569** cuộc, trong đó: các bộ, ngành: **97** cuộc; địa phương: **1.472** cuộc. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc chấp hành thời giờ làm việc, quy chế làm việc, trách nhiệm người đứng đầu, việc giải quyết thủ tục hành chính, việc thực hiện nhiệm vụ được giao, việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp...

Nhiều địa phương²⁰ đã thành lập các đoàn kiểm tra công vụ chuyên đề hoặc lồng ghép nội dung kiểm tra công vụ trong các cuộc kiểm tra hành chính, trách nhiệm người đứng đầu. Thông qua công tác kiểm tra đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế; yêu cầu khắc phục các vi phạm về quy trình giải quyết công việc, niêm yết TTHC, cập nhật hồ sơ điện tử, thực hiện văn hóa công vụ và trách nhiệm phục vụ Nhân dân. Qua kiểm tra cho thấy, phần lớn các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ và trách nhiệm thực thi công vụ. Các tồn tại được phát hiện chủ yếu liên quan đến việc cập nhật hồ sơ trên hệ thống điện tử chưa kịp thời, chất lượng tham mưu ở một số lĩnh vực còn hạn chế, việc phối hợp giải quyết công việc giữa các cơ quan chưa thật sự chặt chẽ hoặc việc công khai, niêm yết thủ tục hành chính ở một số đơn vị chưa đầy đủ, kịp thời.

c) Tình hình, kết quả xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ hoặc có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp hoặc đùn đẩy, né tránh trách nhiệm

Theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật là **493** người (bộ, ngành: **463** người,

²⁰ Như: Hà Nội, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Đà Nẵng, Cần Thơ...

địa phương: 30 người). Các hành vi vi phạm được phát hiện chủ yếu liên quan đến chậm tham mưu, chậm giải quyết hồ sơ, chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm phối hợp trong xử lý công việc, vi phạm quy định về thời giờ làm việc hoặc chưa chấp hành nghiêm quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Việc xử lý được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ Nhân dân và phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong đội ngũ CBCCVC.

Các bộ, ngành, địa phương đã nghiên cứu, xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại người đứng đầu và tiêu chí thi đua hằng năm về thực hiện Kết luận số 226-KL/TW, theo đó đã có 04 bộ²¹, ngành và 19 địa phương²² ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung này.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg được quan tâm triển khai nghiêm túc, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND các tỉnh, thành phố đã chủ động ban hành kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm bám sát yêu cầu của; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện được đề cao. Qua đó cho thấy Kết luận số 226-KL/TW đã tác động trực tiếp đến ba khâu vốn được xem là "điểm nghẽn" trong hoạt động của nền hành chính, đó là công tác ban hành văn bản, chế độ hội họp và phương thức giải quyết công việc.

- Nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về yêu cầu đổi mới lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị có chuyển biến tích cực. Tư duy quản lý hành chính từng bước chuyển từ chú trọng quy trình sang đề cao kết quả, hiệu quả công việc và trách nhiệm cá nhân.

- Chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản tiếp tục được nâng lên. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã thực hiện rà soát, chuẩn hóa quy trình xây dựng văn bản; tăng cường kiểm tra, xử lý văn bản chồng chéo, bất cập; từng bước thực hiện mục tiêu cắt giảm văn bản hành chính không cần thiết, góp phần giảm áp lực hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Việc đổi mới chế độ hội họp đạt được nhiều kết quả tích cực, nhiều hội nghị, cuộc họp không cần thiết được cắt giảm; tỷ lệ họp trực tuyến tăng lên; thời gian hội họp được rút ngắn, nội dung tập trung hơn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; qua đó góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả điều hành.

- Chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính và đổi mới phương thức làm việc được đẩy mạnh; việc xử lý văn bản trên môi trường điện tử đã đi vào nề nếp; cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được hoàn thiện; nhiều thủ tục hành chính được

²¹ Các bộ: Công an, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra Chính phủ

²² Các địa phương: An Giang, Đắk Lắk, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lai Châu, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hải Phòng, Tuyên Quang, TP. Cần Thơ

rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa, nhiều điều kiện kinh doanh được bãi bỏ; chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp từng bước được nâng cao.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; trách nhiệm thực thi công vụ được đề cao; ý thức chấp hành quy định, quy trình công tác của cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai thực hiện Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg tại các bộ, ngành, địa phương chưa đồng đều, một số nơi chưa quan tâm đúng mức, hiệu quả chưa cao. Một số bộ, ngành, địa phương chưa kịp thời ban hành kế hoạch, chỉ đạo triển khai, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp theo quy định; tiến độ triển khai một số nhiệm vụ chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; công tác báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện chưa nghiêm, chưa kịp thời (có phụ lục kèm theo).

- Chất lượng tham mưu ban hành văn bản nói chung, VBQPPL nói riêng và việc tổ chức thực hiện ở một số nơi còn hạn chế; còn tình trạng ban hành nhiều văn bản hành chính có nội dung trùng lặp, lấy ý kiến theo nguyên tắc, sợ trách nhiệm; việc phối hợp giữa các cơ quan trong xử lý công việc liên ngành có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết công việc.

- Việc đổi mới chế độ hội họp tuy đã có chuyển biến nhưng chưa thực sự đồng đều. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn còn tình trạng tổ chức các cuộc họp không cần thiết; chất lượng một số cuộc họp chưa cao, thời gian dành cho thảo luận, xử lý vấn đề còn hạn chế; tỷ lệ họp trực tuyến chưa đạt yêu cầu.

- Phân cấp phân quyền ở một số ngành, lĩnh vực, địa phương chưa phát huy hiệu quả, còn bất cập; phân cấp nhiệm vụ chưa đi đôi với nguồn lực bảo đảm và năng lực thực thi của đơn vị, địa phương được phân cấp; phân cấp chưa gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sau phân cấp.

- Chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số giữa các địa phương còn có sự chênh lệch đáng kể; hạ tầng công nghệ thông tin ở một số địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, chưa đáp ứng yêu cầu; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin còn bất cập; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số trong giải quyết thủ tục hành chính còn thấp.

- Kỷ luật kỷ cương hành chính ở một số nơi, một số thời điểm còn chưa nghiêm; tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong thực thi công vụ vẫn còn xảy ra ở một số nơi. Một bộ phận cán bộ, công chức còn tâm lý e ngại trách nhiệm, sợ sai, dẫn đến việc tham mưu hoặc giải quyết công việc chưa kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg; xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà

nước, chuyển đổi số quốc gia, xây dựng chính phủ số, chính quyền số và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc, quy trình xử lý công việc và mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị; bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan hoặc một cá nhân chủ trì, chịu trách nhiệm chính; tăng cường trách nhiệm giải trình và trách nhiệm người đứng đầu gắn với đánh giá hiệu quả công việc.

3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; tiếp tục rà soát các nhiệm vụ còn chồng chéo, chưa rõ trách nhiệm; khắc phục tình trạng xin ý kiến nhiều cấp; nâng cao năng lực thực thi của cấp cơ sở và tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, chuyên môn cho địa phương sau phân cấp.

4. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng, ban hành văn bản; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và cơ quan chủ trì soạn thảo; bảo đảm văn bản được xây dựng đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, có chất lượng và tính khả thi cao. Việc giao nhiệm vụ xây dựng văn bản phải bảo đảm rõ đầu mối chủ trì, rõ trách nhiệm phối hợp, rõ thời hạn hoàn thành và rõ sản phẩm đầu ra. Tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản; kịp thời phát hiện, xử lý văn bản chồng chéo, mâu thuẫn, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

5. Tiếp tục đổi mới chế độ hội họp, chế độ thông tin báo cáo; giảm giấy tờ hành chính; tăng cường họp trực tuyến, họp không giấy tờ; đẩy mạnh thực hiện báo cáo trên môi trường điện tử, chia sẻ dữ liệu và sử dụng dữ liệu phục vụ nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Chuẩn hóa chế độ báo cáo, biểu mẫu thống kê và cách tính chỉ tiêu; yêu cầu các cơ quan, đơn vị rà soát kỹ số liệu trước khi gửi báo cáo, bảo đảm khớp giữa tổng số và các cấu phần chi tiết, giữa số liệu định lượng và nội dung thuyết minh.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước; nâng cấp hạ tầng kỹ thuật; hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, nền tảng số và hệ thống thông tin dùng chung; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương; bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

7. Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC; nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn; giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

8. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo và các công nghệ số mới trong quản lý nhà nước, giải quyết TTHC và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; từng bước hình thành môi trường làm việc số hiện đại, hiệu quả.

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao đạo đức, văn hóa công vụ và trách nhiệm thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hoặc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và cải cách thủ tục hành chính; kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định còn chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn.

2. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tiếp tục hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đẩy nhanh tiến độ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực và đa chiều; ban hành hướng dẫn kỹ thuật thống nhất về chuẩn dữ liệu, kết nối dữ liệu và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

3. Bộ Tài chính quan tâm bố trí nguồn lực phù hợp cho chuyển đổi số, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, số hóa hồ sơ và nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là tại các địa phương miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

4. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thống kê, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, bảo đảm số liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác tổng hợp, đánh giá, theo dõi kết quả thực hiện Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg trong phạm vi cả nước.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận số 226-KL/TW, Quyết định số 534/QĐ-TTg 6 tháng đầu năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026, Bộ Nội vụ trân trọng báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Chính phủ (đề b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CCHC^{VTC}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Hồi